TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2018/DS-PT
Ngày 17 - 10 - 2018
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản, danh dự và tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên .

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp bồi thường thiệt hại sức khỏe, danh dự và tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2017/DS-ST ngày: 07/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 278/2018/QĐPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chung Thị M, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 257, ấp An Hưng, xã An Kh, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Văn H, sinh năm 1974;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị Kim L, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp An Hưng, xã An Kh, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Trần Văn S, sinh năm 1957 - Văn phòng Luật sư Văn S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 173/5 Phạm H, Phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Kim L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp An Hưng, xã An Kh, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn H, bà Bùi Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Chung Thị M trình bày:

Khoảng 17 giờ ngày 12/02/2011, giữa bà M và bà Lê xảy ra mâu thuẫn, xô xát thì bà M bị ông H đánh gây thương tích ở mặt vùng má bên phải tỷ lệ thương tật là 13%. Đến ngày 17/02/2012 và ngày 18/6/2012, ông H bị Toà án xử quyết định cuối cùng phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và phải bồi thường thiệt hại sức khoẻ cho bà M tổng cộng 14.816.675 đồng, riêng chi phí thẩm mỹ vết sẹo trên mặt vùng má phải chưa được bồi thường do chưa phẫu thuật thẩm mỹ, không có hóa đơn chứng từ nên được Tòa án tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự.

Đến ngày 18/7/2012, bà M đến thẩm mỹ viện bác sĩ M ở thành phố Hồ Chí Minh để phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo. Tổng chi phí phẫu thuật là 50.000.000 đồng (lần thứ nhất là 30.000.000 đồng, lần thứ hai là 20.000.000 đồng), chi phí tiền xe đi lại phẫu thuật là 04 lần x 200.000đ/chuyến đi về = 800.000 đồng.

Trước đây bà M yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại sức khoẻ tổng cộng 50.800.000 đồng (gồm chi phí phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo 02 lần: 50.000.000 đồng, chi phí tiền xe đi lại điều trị: 800.000 đồng).

Tại phiên toà sơ thẩm, bà M thay đổi yêu cầu như sau: bà M chỉ yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại sức khoẻ tổng cộng 30.800.000 đồng (gồm chi phí phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo lần thứ nhất: 30.000.000 đồng, chi phí tiền xe đi lại điều trị: 800.000 đồng).

- Bị đơn ông Trần Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Kim L do bà L đại diện trình bày:

Ông H, bà L xác định thương tích vết sẹo trên mặt vùng má phải của bà M là do ngày 12/02/2011 trong lúc hai bên xô xát đánh nhau do bà M cầm ống nước bằng nhựa đánh bà L làm ống nhựa gãy xóc ngược lên trúng vào mặt vùng má bên phải của bà M gây thương tích, không phải do ông H gây ra. Các tài liệu, chứng cứ kết luận ông H thương tích mặt vùng má bên phải bà M là không đúng sự thật. Các bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm đã xử phạt ông H về tội Cố ý gây thương tích cho bà M là không đúng pháp luật. Mặt khác, đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà M đã hết thời hiệu khởi kiện, bà M không có quyền khởi kiện do ông H đã chấp hành án xong, đã bồi thường thiệt hại xong theo phán quyết của bán án hình sự sơ thẩm và bản án hình sự phúc thẩm, chi phí phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo của bà M là không phù hợp vì hoá đơn chứng từ thẩm mỹ không hợp pháp và cộng gộp chi phí hút mỡ bụng thẩm mỹ (để làm đẹp) vào chi phí phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo. Do đó, ông H, bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà M.

Từ khi xảy ra vụ việc đến nay, bà M đã gây thiệt hại cho ông H, bà L về tài sản, danh dự, nay ông H, bà L yêu cầu bà M bồi thường thiệt hại tổng cộng 271.000.000 đồng, gồm các khoản sau:

- Thiệt hại do phải di dời nhà 02 lần đi nơi khác ở cho yên ổn và tránh mặt gia đình bà M là 118.000.000 đồng .

- Tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng .

- Thiệt hại 30 ngày công lao động bị mất do bị triệu tập đến Toà án là 25.000.000 đồng .

- Thiệt hại do ông H bị 04 tháng ở tù do bị thưa dân sự là 21.600.000 đồng.

- 04 năm thất thoát tài sản là 86.400.000 đồng .

- Ngoài ra ông H, bà L còn yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất danh dự từ ngày 19/4/2013 đến nay nhưng không xác định được số tiền tương ứng là bao nhiêu.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2017/DS-ST ngày: 07/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu T quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại sức khỏe của bà Chung Thị M.

Buộc ông Trần Văn H bồi thường thiệt hại sức khoẻ cho bà Chung Thị M là 30.200.000 đồng (gồm chi phí phẫu thuật thẩm mỹ vết trên mặt vùng má bên phải của bà M là 30.000.000 đồng; chi phí tiền xe 01 chuyến đi về là 200.000 đồng).

Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Trần Văn H và bà Bùi Thị Kim L.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Chung Thị M được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.510.000 đồng. (tương ứng với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bà Chung Thị M).

- Ông Trần Văn H và bà Bùi Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.550.000 đồng (tương ứng với các yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận là 271.000.000 đồng gồm: thiệt hại do phải di dời nhà 02 lần đi nơi khác ở cho yên ổn và tránh mặt gia đình bà M là 118.000.000 đồng; thiệt hại 30 ngày công lao động bị mất do bị triệu tập đến Toà án là 25.000.000 đồng; thiệt hại do ông H bị ở tù 04 tháng do bi thưa dân sự là 21.600.000 đồng; 04 năm thất thoát tài sản là 86.400.000 đồng).

- Số tiền tạm ứng án phí bà Bùi Thị Kim L đã nộp 3.137.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 12142 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T được trừ vào án phí dân sự mà ông H, bà L phải nộp. Ông Trần Văn H và bà Bùi Thị Kim L còn phải nộp tiếp 10.413.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 07/11/2017 ông H, bà L kháng cáo yêu cầu giải quyết là không chấp nhận yêu cầu, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà M; sửa một phần bản án sơ thẩm là chấp nhận yêu cầu của ông, bà buộc bà M phải bồi thường thiệt hại 271.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà M; bị đơn ông H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M, Luật sư S có mặt. Ông H tiếp tục ủy quyền

cho bà L và các đương sự khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý theo yêu cầu của bà M trả số tiền 30.200.000 đồng. Đối với ông H, bà L yêu cầu bà M phải bồi thường thiệt hại với số tiền 271.000.000 đồng thì xin rút lại yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông H trình bày: Thống nhất việc rút yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L; đề nghị Tòa án xem xét giảm tiền án phí cho đương sự. Yêu cầu khởi kiện của bà M là không có căn cứ vì Bản án hình sự tuy chưa có quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm nhưng chưa có tính thuyết phục về người, vật chứng gây ra thiệt hại chưa thể hiện rõ. Chi phí phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo là chưa có cơ sở vì không có hồ sơ bệnh án, không xác định được việc phẫu thuật thẩm mỹ là ngay tại vết thương do ông H gây ra. Văn bản Thanh tra Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh trả lời xác định bác sỹ M phẫu thuật thẩm mỹ không đúng chức năng, không đúng giấy phép, không có hóa đơn thu tiền theo quy định của tài chính. Do đó đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà M đối với ông H. Bà L bổ sung ý kiến ngoài ra bác sỹ M còn không niêm yết giá phẫu thuật thẩm mỹ.

Nguyên đơn bà M trình bày bà đồng ý việc rút yêu cầu phản tố của ông H, bà L. Bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án do ông H, bà L rút yêu cầu phản tố số tiền 271.000.000 đồng nên đề nghị áp dụng Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu phản tố của ông H, bà L. Về kháng cáo yêu cầu xem xét lại về thời hiệu yêu cầu khởi kiện của bà M và kháng cáo ông H không đồng ý trả số tiền bồi thường chi phí thẩm mỹ 30.200.000 đồng cho bà M là không có cơ sở chấp nhận phần kháng cáo này nên đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự việc xãy ra dẫn đến tranh chấp các đương sự thống nhất khoảng 17 giờ ngày 12/02/2011, giữa bà M và bà L có mâu thuẫn, xô xát thì bà M bị ông H đánh gây thương tích ở mặt vùng má bên phải tỷ lệ thương tật là 13%. Đến ngày 17/02/2012 và ngày 18/6/2012, ông H bị Toà án cấp sơ thẩm và phúc thẩm xử phạt tù về tội Cố ý gây thương tích và phải bồi thường thiệt hại sức khoẻ cho bà M tổng cộng 14.816.675 đồng; riêng chi phí thẩm mỹ vết sẹo trên mặt vùng má bên phải chưa được bồi thường

do tại thời điểm xét xử án hình xự thì bà M chưa đi phẫu thuật thẩm mỹ nên được tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự. Sau khi phẫu thuật thẩm mỹ bà M khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền chi phí thẩm mỹ là 30.800.000 đồng. Ông H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện bà M. Ông H, bà L yêu cầu bà M bồi thường thiệt hại số tiền tổng cộng 271.000.000 đồng.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Việc bà M yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại chi phí thẩm mỹ 30.000.000 đồng; chi phí thực tế đi phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo 01 chuyến (lượt đi và lượt về) là 100.000 đồng x 02 lần = 200.000 đồng là có cơ sở do yêu cầu có thật, phù hợp với chi phí thực tế phẫu thuật vì cơ sở thẩm mỹ của bác sĩ Nguyễn Đức M đã được Sở y tế cấp Giấy phép hoạt động, kinh doanh và phạm vi chuyên môn loại hình Phòng khám chuyên khoa Phẫu thuật thẩm mỹ, chi phí phẫu thuật do cơ sở kinh doanh tự quyết định không trái pháp luật. Bác sĩ M cũng xác nhận chi phí này không bao gồm chi phí hút mỡ bụng sử dụng vào mục đích thẩm mỹ vết sẹo, cũng không nhằm mục đích làm đẹp khác.

[3] Việc ông H, bà L không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà M với lý do thời hiệu khởi kiện của bà M đã hết. Căn cứ vào Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2012/HSST ngày 17/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Châu T đã nhận định do yêu cầu của bà M về số tiền thẩm mỹ vết sẹo chưa có hóa đơn chứng từ cung cấp được nên tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác. Ông H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo Bản án số 136/2012/HSPT ngày 18/6/2012. Ngày 12/11/2013 bà M có đơn khởi kiện nên vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Việc bà L cho rằng bà M không cung cấp được hóa đơn theo quy định của tài chính về tiền chi phí phẫu thuật thẩm mỹ nên không đồng ý bồi thường là chưa phù hợp, vì bà M có đến cơ sở thẩm mỹ của bác sỹ M để thẩm mỹ vết sẹo, được xuất hóa đơn xanh có đóng dấu cơ sở thẩm mỹ và ký tên của bác sỹ M. Bác sỹ M cũng xác nhận bà M có phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo trên gương mặt chi phí số tiền 30.000.000 đồng là sự thật. Còn việc cơ sở thẩm mỹ không xuất hóa đơn đỏ là do cơ sở không tuân thủ đúng quy định về tài chính thuế, việc này do cơ quan quản lý về thuế xem xét xử lý nếu xét thấy có vi phạm, đây không phải là căn cứ để xác định bà M làm giả chứng từ chi phí thẩm mỹ hoặc chi phí thẩm mỹ không hợp pháp.

[5] Ông H, bà L yêu cầu dựng lại hiện trường, yêu cầu giám định lại tỷ lệ % vết sẹo của bà M do vật gì gây ra. Xét thấy các yêu cầu, các vấn đề này đã được xem xét, giải quyết, xét xử bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2012/HSST và Bản án phúc thẩm số 136/2012/HSPT, nên không xem xét lại. Từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà M số tiền 30.200.000 đồng đối với ông H.

[6] Xét yêu cầu phản tố của ông H, bà L về việc yêu cầu bà M bồi thường thiệt hại tiền di dời nhà, tổn thất tinh thần, tổn thất danh dự, 30 ngày công lao động, 04 tháng ông H ở tù, 04 năm thất thoát với tổng cộng số tiền là 271.000.000 đồng. Lý do hai bên xô xát đánh nhau dẫn đến việc ông H phải chấp hành hình phạt tù, sau đó bị mất thu nhập. Xét việc yêu cầu ông H, bà L là không đúng quy định pháp luật, cũng như không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà M đã gây thiệt hại nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố này của ông H, bà L.

[7] Sau khi xét xử sơ thẩm ông H, bà L không đồng ý kháng cáo bản án sơ thẩm. Trong quá trình xét xử phúc thẩm bà L cung cấp thêm chứng cứ công văn số 213/Ttra ngày 05/4/2018 của Thanh tra Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh trả lời đơn bà L về việc phản ánh cơ sở Thẩm mỹ viện bác sỹ M. Nội dung công văn xác định tại thời điểm ngày 18/7/2012 bác sỹ M phẫu thuật thẩm mỹ cho bà M với kỹ thuật "phẫu thuật hút mở bụng tiêm lên má chỉnh sẹo" là chưa được Sở Y tế phê duyệt các nội dung phản ánh khác về hóa đơn tài chính, thuế.. không thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. Về chi phí phẫu thuật thẩm mỹ bà L tiếp tục khiếu nại , Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 5493/SYT-VP ngày 28/8/2018 cung cấp thông tin cho Tòa án Tỉnh xác định, theo khoản 5 Điều 88 của Luật khám bệnh, chữa bệnh quy định: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân được quyền quyết định và phải niêm yết công khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Ngoài ra, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét việc bà M chọn cơ sở thẩm mỹ của bác sỹ M để phẫu thuật thẩm mỹ thì bà M không thể biết bác sỹ M chưa được cấp giấy phép nhưng có đủ chứng cứ chứng minh thực tế bà M có phẫu thuật thẩm mỹ và thanh toán số tiền 30.000.000 đồng cho cơ sở thẩm mỹ bác sỹ M.

[8] Theo quy định pháp luật thiệt hại vật chất do sức khỏe bị xâm phạm được xác định ngoài chi phí cho việc cứu chữa điều trị bồi dưỡng tại thời điểm sau khi xảy ra việc thương tích thì còn được tính các chi phí khác để khắc phục một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại. Do đó ngoài việc thiệt hại về vật chất bà M phải chịu chi phí để điều trị thì đối với vết thương bà M bị trên gương mặt có đường cắt lõm dài vùng má phải cách 2cm sau đuôi mắt có vết sẹo đỏ hình vòng cung, chếc từ trên xuống dưới, kích thước dài 5,5cm; rộng 0,2cm. Tỷ lệ thương tật 13%, xếp loại thương tật vĩnh viễn. Bà M làm nghề uống tóc, buôn bán tạp hóa và phụ tiếp việc chụp ảnh của ông Đặng Hựu H (chồng bà M) thì vết thương gương mặt làm ảnh hưởng đến tổn thất tinh thần còn ảnh hưởng đến công việc bà M đang làm. Do đó đối với yêu cầu của bà M là hoàn toàn phù hợp quy đinh pháp luật.

[9] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ yêu cầu phản tố của ông H, bà L đối với bà M; giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà L số tiền trả cho bà M. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông H, bà L rút yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của yêu cầu phản tố. Đồng thời kháng cáo ông H không được chấp nhận giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông H, bà L phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 148; 289; 299; khoản 1, khoản 4 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 604, 605, 607, 608, 609, 611 của Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là các Điều 584, 585, 588, 589, 590, 592 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015);

- Các Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

- Điều 29, 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H, bà Bùi Thị Kim L.

1/ Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại sức khỏe của bà Chung Thị M.

Buộc ông Trần Văn H bồi thường thiệt hại sức khoẻ cho bà Chung Thị M là 30.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

2/ Hủy một phần bản án sơ thẩm.

Đình chỉ toàn bộ các yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 271.000.000 đồng của ông Trần Văn H, bà Bùi Thị Kim L đối với bà Chung Thị M.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Chung Thị M được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.510.000 đồng.

- Ông Trần Văn H và bà Bùi Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.550.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Lê đã nộp 3.137.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 12142 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T. Ông Trần Văn H và bà Bùi Thị Kim L còn phải nộp tiếp 10.413.000 đồng.

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Văn H và bà Bùi Thị Kim L mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 12387 ngày 17/11/2017; ông H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 12386 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T. Ông Trần Văn H và bà Bùi Thị Kim L không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án nhân dân huyện Châu T;
- Chi cục THADS huyện Châu T;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Chí Tâm